

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA -
RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Số: 678 /HABECO -VP.HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (“HABECO”)
- Mã chứng khoán/Mã thành viên: BHN
- Địa chỉ: Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 024.38453843 Fax: 024.37223784
- Email: habeco@habeco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2026 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
 - Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2026 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 28/7/2026 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Trường Thắng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính riêng</i>	5 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	10 – 11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	12 – 13
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</i>	14 – 53

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 kết thúc ngày 30/6/2026.

Khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đăng	Thành viên độc lập
Bà Quán Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chủ Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	Đến ngày 22/4/2026
Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Thành viên	Từ ngày 22/4/2026

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 kết thúc ngày 30/6/2026 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. *~*



Ngô Quốc Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

1-C
TƯ
I
ÁN
CHỈ

Số: 03.06.1.1/26/BCTC/NVA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2026, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 kết thúc ngày 30/6/2026 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của đơn vị tại ngày 30/6/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của đơn vị cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2026 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lê Hồng Đào

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.557.936.020.905	4.356.390.335.587
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	171.624.944.160	471.654.443.831
1. Tiền	111		71.540.355.119	114.947.019.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.084.589.041	356.707.424.658
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.931.236.863.200	3.476.432.960.916
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		3.931.236.863.200	3.476.432.960.916
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.675.824.533	109.930.243.125
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	151.489.934.827	77.466.015.192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.105.993.077	21.898.776.963
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	10.866.626.176	16.352.180.517
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.5	(5.786.729.547)	(5.786.729.547)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	260.016.443.085	254.049.130.112
1. Hàng tồn kho	141		260.447.626.515	254.480.313.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(431.183.430)	(431.183.430)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		13.381.945.927	44.323.557.603
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.10	13.164.384.020	10.596.378.566
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	24.979.917.408
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	217.561.907	8.747.261.629
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.786.461.755.071	1.754.625.224.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		355.742.271.072	392.084.834.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	341.885.063.563	376.407.373.308
- Nguyên giá	222		4.009.085.945.955	3.998.517.498.972
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.667.200.882.392)	(3.622.110.125.664)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	13.857.207.509	15.677.461.222
- Nguyên giá	228		85.400.998.490	83.856.739.537
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(71.543.790.981)	(68.179.278.315)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.7	250.806.507	1.364.086.757
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		250.806.507	1.364.086.757

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	1.268.219.134.918	1.268.011.473.446
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.122.326.153.223	1.122.326.153.223
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		131.369.420.164	131.369.420.164
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		36.250.000.000	36.250.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(21.726.438.469)	(21.934.099.941)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		162.249.542.574	93.164.829.555
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.10	162.249.542.574	93.164.829.555
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		6.344.397.775.976	6.111.015.559.875

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.867.897.286.921	1.774.813.708.631
I. Nợ ngắn hạn	310		1.867.897.286.921	1.774.813.708.631
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	601.651.286.927	1.159.881.170.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	24.959.511.252	22.082.414.393
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		61.724.635.284	61.723.435.284
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	318.555.340.042	150.588.081.655
5. Phải trả người lao động	315		76.319.711.243	113.330.656.955
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	373.650.892.617	50.500.908.366
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.16	648.530.265	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	215.502.162.069	148.864.398.672
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.17	23.718.188.423	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		171.167.028.799	67.842.643.247
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

14-1
TY
ÁN
CHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	4.476.500.489.055	4.336.201.851.244
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.083.800.291.522	1.083.800.291.522
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10.645.027.465	10.737.027.465
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.064.055.170.068	923.664.532.257
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		809.504.989.324	523.407.620.273
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		254.550.180.744	400.256.911.984
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.344.397.775.976	6.111.015.559.875

Người lập



Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2026	Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.916.171.083.413	1.470.324.487.219	3.386.370.248.009	2.575.926.048.853
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	22.055.938.315	9.265.666.914	43.356.637.355	15.623.406.201
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.894.115.145.098	1.461.058.820.305	3.343.013.610.654	2.560.302.642.652
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.370.685.682.503	1.017.992.011.266	2.480.344.880.041	1.876.849.305.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		523.429.462.595	443.066.809.039	862.668.730.613	683.453.336.943
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	89.675.623.697	64.251.665.065	140.393.635.082	100.458.238.489
8. Chi phí tài chính	23	VI.6	206.610.116	2.036.213.866	1.715.933.601	3.344.512.513
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	303.403.853.020	266.688.965.348	561.003.963.546	459.042.618.076
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	76.676.294.955	82.072.580.600	133.199.827.356	126.744.149.997
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		232.818.328.201	156.520.714.290	307.142.641.192	194.780.294.846
12. Thu nhập khác	31	VI.9	9.269.587.868	6.029.082.486	12.905.854.673	7.791.438.350
13. Chi phí khác	32	VI.10	9.195.856.890	2.759.350	9.197.356.132	2.759.350
14. Lợi nhuận khác	40		73.730.978	6.026.323.136	3.708.498.541	7.788.679.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2026	Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		232.892.059.179	162.547.037.426	310.851.139.733	202.568.973.846
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	40.709.142.878	27.806.908.294	56.300.958.989	35.383.484.986
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	427.810.586	-	855.621.179
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		192.182.916.301	134.312.318.546	254.550.180.744	166.329.867.681

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Việt

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		310.851.139.733	202.568.973.846
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		48.323.195.758	63.445.884.785
- Các khoản dự phòng	03		23.510.526.951	9.397.839.871
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(138.512.744.478)	(96.959.300.790)
- Chi phí đi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		244.172.117.964	178.453.397.712
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.235.964.278)	(89.470.795.214)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.967.312.973)	18.813.611.198
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(63.501.912.743)	122.520.654.133
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(71.652.718.473)	(5.998.043.072)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.758.041.931)	(53.304.293.789)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.927.157.381)	(23.893.922.988)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.129.010.185	147.120.607.980
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.867.352.050)	(12.038.460.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.749.619.000.000)	(2.343.655.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.294.745.000.000	2.011.232.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138.582.842.194	97.215.918.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(327.158.509.856)	(247.245.542.549)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(84.193.262)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(84.193.262)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(300.029.499.671)	(100.209.127.831)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		471.654.443.831	646.361.710.800
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		171.624.944.160	546.152.582.969

Người lập



Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

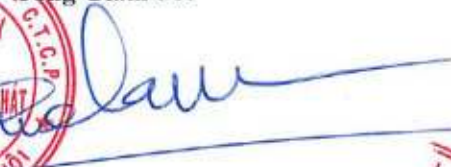
Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 6 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tại ngày 30/6/2026 Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, TP. Hải Phòng	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Số 16 Lạch Tray, Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Số 5, Đường Thái Bình, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Lô CN 1, Khu Công nghiệp Sông Trá, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Tổ dân phố 13, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Số 38 Ngõ Quyền, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	94 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Lô 20 KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐIPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Đường 206 KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Khu B, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	KCN Quán Ngang, Xã Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Thôn Xuân Áng, Xã An Lão, TP. Hải Phòng	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Khu 1B, phường Văn Phú, Tỉnh Phú Thọ	100.000.000.000	53,89%	53,89%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Tại ngày 30/6/2026 Tổng Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Số 40, Tò 1, Phố Kim Bài, Xã Thanh Oai, TP. Hà Nội	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Số 1199, đường Giải Phóng, Phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Phòng 1, tầng 13, tòa nhà văn phòng cho thuê Harec, số 4A Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Số 4, phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Số 17A phố Ngõ Quyền, Phường Ngõ Quyền, TP. Hải Phòng	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Khu 2ha, cụm CN NM bia HN- ML, Tiền Phong, Mê Linh, TP. Hà Nội	35.000.000.000	44,22%	44,22%

- Tại ngày 30/6/2026 Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- + Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Thôn Yên Nhân, xã Mê Linh, TP Hà Nội;
- + Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

6. Số lượng lao động

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 30/6/2026 là: 525 người (tại ngày 31/12/2025 là 509 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

PH / KIẾ C 305

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

+ Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tất cả các tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi.

+ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không phải là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ thì đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều phải được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15	03 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
Thương hiệu	04	04
Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Tổng Công ty.

Thời điểm Tổng Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau: Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán

188
G
H
T
V
10

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng	71.540.355.119	114.947.019.173
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-CN Hà Nội	35.262.221.149	8.680.008.519
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội -CN Thăng Long	18.318.657.658	54.857.708.340
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam- CN Sở Giao Dịch	11.155.929.882	26.123.168.022
- Các ngân hàng khác	6.803.546.430	25.286.134.292
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	100.000.000.000	356.000.000.000
Lãi tiền gửi tạm tính theo hợp đồng	84.589.041	707.424.658
Cộng	171.624.944.160	471.654.443.831

TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ngân hạn	3.931.236.863.200	3.931.236.863.200	3.476.432.960.916	3.476.432.960.916
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	3.847.952.900.000	3.847.952.900.000	3.393.078.900.000	3.393.078.900.000
Lãi tiền gửi tạm tính theo hợp đồng	83.283.963.200	83.283.963.200	83.354.060.916	83.354.060.916
- Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.931.236.863.200	3.931.236.863.200	3.476.432.960.916	3.476.432.960.916

(*) Ghi chú: Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đang được cầm cố tại ngân hàng đến ngày 30/6/2026 là 410.900.000 đồng để bảo đảm cho việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	100,00%	50.000.000.000	100,00%	50.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	55,00%	30.631.673.095	55,00%	30.631.673.095
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	65,01%	82.343.478.402	65,01%	82.343.478.402
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	51,00%	10.200.000.000	51,00%	10.200.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	66,31%	56.448.402.482	66,31%	56.448.402.482
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	55,00%	82.689.355.104	55,00%	82.689.355.104
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	62,05%	37.666.057.755	62,05%	37.666.057.755
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	68,95%	14.487.313.191	68,95%	14.487.313.191
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	54,29%	143.696.608.717	54,29%	143.696.608.717
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	60,00%	22.977.925.427	60,00%	22.977.925.427
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	52,64%	8.673.477.197	52,64%	8.673.477.197
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	96,10%	223.535.805.853	96,10%	223.535.805.853
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	98,56%	106.581.700.000	98,56%	106.581.700.000
Công ty CP Habeco Hải Phòng	75,83%	106.709.356.000	75,83%	106.709.356.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	53,89%	53.885.000.000	53,89%	53.885.000.000
Cộng		1.122.326.153.223		1.122.326.153.223
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		19.340.096.873		19.547.758.345
Giá trị thuần		1.102.986.056.350		1.102.778.394.878

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP Habeco Hải Phòng là 80,75%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	11.200.000.000	28,10%	11.200.000.000
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	8.304.865.190	28,00%	8.304.865.190
Công ty CP Dầu tư Phát triển Habeco	45,00%	16.478.300.000	45,00%	16.478.300.000
Công ty CP Harec Dầu tư và Thương mại	40,00%	27.305.100.155	40,00%	27.305.100.155
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	52.605.154.819	27,21%	52.605.154.819
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	15.476.000.000	44,22%	15.476.000.000
Cộng		131.369.420.164		131.369.420.164
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-		-
Giá trị thuần		131.369.420.164		131.369.420.164

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

11/11/2024 14:11

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

d) Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinaceglass	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	5,00%	3.000.000.000	5,00%	3.000.000.000
Cộng		36.250.000.000		36.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.386.341.596		2.386.341.596
Giá trị thuần		33.863.658.404		33.863.658.404

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	151.489.934.827	77.466.015.192
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	106.969.764.951	37.046.648.647
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	1.675.238.645	717.254.581
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	12.229.318	16.324.265
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	4.428.158.705	2.128.750.042
Công ty TNHH MTV thương mại HABECO Miền Trung	24.644.310.535	6.473.256.297
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	-	23.446.633.510
Phải thu các khách hàng khác	13.760.232.673	7.637.147.850
b) Dài hạn	-	-
Cộng	151.489.934.827	77.466.015.192

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

4. Phải thu khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	10.866.626.176	16.352.180.517
Tạm ứng	1.404.200.355	204.000.000
Văn phòng đại diện Krones tại Hà Nội	6.261.486	9.182.856.480
Phải thu khác	9.456.164.335	6.965.324.037
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.866.626.176	16.352.180.517

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

5. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000
Các đối tượng khác	970.484.679	970.484.679	970.484.679	970.484.679
Cộng	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	78.766.412.998	-	105.382.374.311	-	-
Công cụ, dụng cụ	53.906.512.293	431.183.430	56.878.031.551	431.183.430	431.183.430
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.274.749.092	-	28.001.542.976	-	-
Sản phẩm	80.181.184.572	-	60.704.671.844	-	-
Hàng hóa	6.318.767.560	-	3.513.692.860	-	-
Cộng	260.447.626.515	431.183.430	254.480.313.542	431.183.430	

7. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	Đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Đơn vị tính: VND	
					Cuối kỳ	
Dự án ERP	1.159.158.953	-	1.159.158.953	-	-	-
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1	13.301.979	-	-	-	-	13.301.979
Hội trường Tổng công ty						
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	191.625.825	45.878.703	-	-	-	237.504.528
Cộng	1.364.086.757	45.878.703	1.159.158.953	-	-	250.806.507

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	876.046.415.514	2.984.302.479.442	44.429.175.878	82.519.299.008	11.220.129.130	3.998.517.498.972
Số tăng trong kỳ	593.249.074	1.889.900.000	7.116.360.273	860.113.636	108.824.000	10.568.446.983
- Mua sắm mới	593.249.074	1.889.900.000	7.116.360.273	728.040.000	108.824.000	10.436.373.347
- Tăng khác	-	-	-	132.073.636	-	132.073.636
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	876.639.664.588	2.986.192.379.442	51.545.536.151	83.379.412.644	11.328.953.130	4.009.085.945.955
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	700.442.552.574	2.803.098.964.666	37.329.679.529	71.735.619.448	9.503.309.447	3.622.110.125.664
Tăng trong kỳ	18.759.645.332	22.617.554.390	1.146.411.786	2.142.356.423	424.788.797	45.090.756.728
- Khấu hao trong kỳ	18.759.645.332	22.617.554.390	1.146.411.786	2.010.282.787	424.788.797	44.958.683.092
- Tăng khác	-	-	-	132.073.636	-	132.073.636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	719.202.197.906	2.825.716.519.056	38.476.091.315	73.877.975.871	9.928.098.244	3.667.200.882.392
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>						
Tại ngày đầu năm	175.603.862.940	181.203.514.776	7.099.496.349	10.783.679.560	1.716.819.683	376.407.373.308
Tại ngày cuối kỳ	157.437.466.682	160.475.860.386	13.069.444.836	9.501.436.773	1.400.854.886	341.885.063.563

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.634.129.886.245 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>				
Số dư đầu năm	332.763.757	83.523.975.780	-	83.856.739.537
Số tăng trong kỳ	-	1.489.158.953	55.100.000	1.544.258.953
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	85.013.134.733	55.100.000	85.400.998.490
<i>Giá trị đã hao mòn</i>				
Số dư đầu năm	332.763.757	67.846.514.558	-	68.179.278.315
Số tăng trong kỳ	-	3.363.455.954	1.056.712	3.364.512.666
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	71.209.970.512	1.056.712	71.543.790.981
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>				
Tại ngày đầu năm	-	15.677.461.222	-	15.677.461.222
Tại ngày cuối kỳ	-	13.803.164.221	54.043.288	13.857.207.509

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 40.590.406.530 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Chi phí chờ phân bổ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	13.164.384.020	10.596.378.566
Chi phí bảo hiểm	1.350.787.040	3.073.262.028
Chi phí biên hiệu, vật dụng quảng cáo	7.831.744.209	1.662.638.636
Chi phí sửa chữa tài sản và phụ tùng thay thế	3.981.852.771	5.860.477.902
b) Dài hạn	162.249.542.574	93.164.829.555
Chi phí vô chai, keg	141.865.094.894	71.253.774.522
Chi phí tiền thuê đất, thuê kho	17.966.786.500	18.253.172.817
Chi phí biên hiệu, vật dụng quảng cáo	1.710.895.520	3.552.594.729
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	706.765.660	105.287.487
Cộng	175.413.926.594	103.761.208.121

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	601.651.286.927	1.159.881.170.059
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	-	280.800.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	8.435.422.875	151.655.625
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	14.438.543.244	16.488.211.158
Cty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	8.186.119.641	48.379.003.272
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hồng Phát	848.577.658	957.463.135
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	12.393.049.678	20.717.118.944
Công ty CP Vận tải Habeco	1.909.399.642	2.148.416.204
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	11.465.794.965	85.033.987.335
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	30.084.990.747	37.367.442.853
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	49.752.916.173	56.858.198.140
Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	11.154.888.370	6.050.229.099
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	21.327.149.306	18.906.968.470
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	11.245.562.222	8.901.689.918
CN công ty TNHH ASIA Packaging industries (Việt nam) tại miền Bắc	18.459.678.232	24.083.395.685
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	1.068.098.200	470.318.200
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	-	342.187.211.196
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	400.881.095.974	490.899.060.825
b) Dài hạn	-	-
Cộng	601.651.286.927	1.159.881.170.059

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

12. Người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	24.959.511.252	22.082.414.393
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	21.804.311.707	18.724.877.098
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	546.001.172	546.001.172
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.609.198.373	2.811.536.123
b) Dài hạn	-	-
Cộng	24.959.511.252	22.082.414.393

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND		
	Dầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ
a) Phải nộp	150.588.081.655	1.196.486.675.562	1.028.519.417.175
Thuế giá trị gia tăng nội địa	-	160.704.572.776	116.290.626.875
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.108.525.947	1.108.525.947
Thuế tiêu thụ đặc biệt	137.412.344.187	954.279.002.270	862.030.793.441
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.156.846.903	56.300.958.989	26.758.041.931
Thuế thu nhập cá nhân	1.947.091.125	15.277.389.769	14.276.987.031
Thuế đất, tiền thuế đất	-	8.136.774.347	7.438.723.318
Thuế tài nguyên	71.799.440	679.451.464	615.718.632
b) Phải thu	8.747.261.629	8.985.349.857	455.650.135
Thuế đất, tiền thuế đất	8.747.144.222	8.747.144.222	-
Thuế, phí khác	117.407	238.205.635	455.650.135
			217.561.907
			217.561.907

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	373.650.892.617	50.500.908.366
Chi phí bán hàng, hỗ trợ bán hàng	364.577.680.275	34.077.607.353
Trích trước chi phí sửa chữa	566.922.968	1.709.154.434
Trích trước chi phí XDCB	1.383.512.697	1.383.512.697
Chi phí phải trả khác	7.122.776.677	13.330.633.882
b) Dài hạn	-	-
Cộng	373.650.892.617	50.500.908.366

15. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	215.502.162.069	148.864.398.672
Kinh phí công đoàn	750.165.229	326.886.137
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.165.380.207	1.300.507.211
Nhận ký cược chai keg	176.569.637.906	142.212.336.906
Chiết khấu thương mại phải trả	27.507.746.053	-
Phải trả phải nộp khác	9.509.232.674	5.024.668.418
b) Dài hạn	-	-
Cộng	215.502.162.069	148.864.398.672

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

16. Doanh thu chờ phân bổ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	648.530.265	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước	648.530.265	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	648.530.265	-

17. Dự phòng phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	23.718.188.423	-
Dự phòng phải trả khác	23.718.188.423	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	23.718.188.423	-

TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.432.027.465	846.909.872.878	4.260.142.191.865
Lãi trong kỳ trước				166.329.867.681	166.329.867.681
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023				(266.570.000.000)	(266.570.000.000)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2023				(55.636.252.605)	(55.636.252.605)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023				(1.296.000.000)	(1.296.000.000)
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(61.500.000)		(61.500.000)
Số dư cuối kỳ trước (30/6/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.370.527.465	689.737.487.954	4.102.908.306.941
Số dư đầu năm nay (01/01/2026)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	10.737.027.465	923.664.532.257	4.336.201.851.244
Lãi trong kỳ này				254.550.180.744	254.550.180.744
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2024				(66.240.863.896)	(66.240.863.896)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2025				(45.157.599.842)	(45.157.599.842)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024				(1.296.000.000)	(1.296.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2025				(1.465.079.195)	(1.465.079.195)
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(92.000.000)		(92.000.000)
Số dư cuối kỳ này (30/6/2026)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	10.645.027.465	1.064.055.170.068	4.476.500.489.055

(*) Ghi chú : Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-DHĐCĐ-HABECO ngày 22/4/2026 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 theo tỷ lệ 13,2% (giá trị 305.976.000.000 đồng) và chi trả cổ tức năm 2025 theo tỷ lệ 15,2% (giá trị 352.336.000.000 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>%</u>	<u>Đầu năm</u> <u>VND</u>	<u>%</u>
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>Lũy kế từ đầu năm</u> <u>đến 30/6/2026</u> <u>VND</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u> <u>đến 30/6/2025</u> <u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)***19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	97.485,00	84.604,50

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm	
			đến 30/6/2026 VND	đến 30/6/2025 VND
Doanh thu cung cấp sản phẩm, hàng hóa	1.899.851.673.872	1.453.791.108.047	3.362.165.840.508	2.550.423.319.322
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	16.319.409.541	16.533.379.172	24.204.407.501	25.502.729.531
Cộng	1.916.171.083.413	1.470.324.487.219	3.386.370.248.009	2.575.926.048.853
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm	
			đến 30/6/2026 VND	đến 30/6/2025 VND
Hàng bán bị trả lại	190.715.455	133.087.788	286.776.940	226.990.089
Chiết khấu thương mại	21.865.222.860	9.132.579.126	43.069.860.415	15.396.416.112
Cộng	22.055.938.315	9.265.666.914	43.356.637.355	15.623.406.201
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm	
			đến 30/6/2026 VND	đến 30/6/2025 VND
Doanh thu thuần cung cấp sản phẩm, hàng hóa	1.877.795.735.557	1.444.525.441.133	3.318.809.203.153	2.534.799.913.121
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	16.319.409.541	16.533.379.172	24.204.407.501	25.502.729.531
Cộng	1.894.115.145.098	1.461.058.820.305	3.343.013.610.654	2.560.302.642.652

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Giá vốn hàng bán	Quý 2/2026		Quý 2/2025		Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026		Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025	
	VND		VND		VND		VND	
Giá vốn sản phẩm	455.822.122.630		441.789.964.027		828.128.908.994		708.891.721.016	
Giá vốn hàng hóa	914.863.559.873		576.202.047.239		1.652.215.971.047		1.167.957.584.693	
Cộng	1.370.685.682.503		1.017.992.011.266		2.480.344.880.041		1.876.849.305.709	
5. Doanh thu hoạt động tài chính								
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.453.250.966		39.652.604.000		109.166.399.690		75.585.857.790	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.346.344.788		21.373.443.000		29.346.344.788		21.373.443.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	876.027.943		3.225.618.065		1.880.890.604		3.498.937.699	
Cộng	89.675.623.697		64.251.665.065		140.393.635.082		100.458.238.489	
6. Chi phí tài chính								
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.320.871.794		3.080.658.326		1.923.595.073		3.352.287.642	
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.114.261.678)		(1.044.444.460)		(207.661.472)		(7.775.129)	
Cộng	206.610.116		2.036.213.866		1.715.933.601		3.344.512.513	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026		Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025	
			VND		VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ phân bổ	17.188.913.250	4.494.020.095	29.397.923.866	8.220.082.658		
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng hóa	21.576.368.659	20.674.844.834	57.309.921.959	34.397.850.608		
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	262.971.503.033	235.288.502.878	462.377.517.315	401.334.078.089		
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.667.068.078	6.231.597.541	11.918.600.406	15.090.606.721		
Cộng	303.403.853.020	266.688.965.348	561.003.963.546	459.042.618.076		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026		Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025	
			VND		VND	
Chi phí nhân viên quản lý	34.259.061.427	31.336.699.798	63.000.334.842	57.368.280.092		
Chi phí khấu hao	8.376.822.079	11.091.593.244	16.503.599.411	18.803.279.647		
Chi phí thuê đất	8.557.227.764	11.358.164.771	16.069.858.260	11.358.164.771		
Chi phí quản lý khác	25.483.183.685	28.286.122.787	37.626.034.843	39.214.425.487		
Cộng	76.676.294.955	82.072.580.600	133.199.827.356	126.744.149.997		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Thu nhập khác	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/6/2026 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/6/2025 VND
Thanh lý tài sản, CCDC	-	-	110.320.000	-
Thu phạt bồi thường	101.097.234	799.863.861	219.513.440	826.086.669
Thu từ bán bã bia	3.432.824.400	2.509.902.400	5.423.196.000	3.786.556.800
Thu hồi vỏ chai, keg	5.016.834.633	1.177.734.217	6.051.613.792	1.281.132.427
Thu nhập khác	718.831.601	1.541.582.008	1.101.211.441	1.897.662.454
Cộng	9.269.587.868	6.029.082.486	12.905.854.673	7.791.438.350
10. Chi phí khác				
	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/6/2026 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/6/2025 VND
Phạt vi phạm hành chính, truy thu và chậm nộp thuế	9.195.856.889	2.759.350	9.197.356.129	2.759.350
Chi phí khác	1	-	3	-
Cộng	9.195.856.890	2.759.350	9.197.356.132	2.759.350

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	232.892.059.179	162.547.037.426	310.851.139.733	202.568.973.846
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(29.346.344.788)	(23.512.495.955)	(29.346.344.788)	(25.651.548.913)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	29.346.344.788	23.512.495.955	29.346.344.788	25.651.548.913
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	29.346.344.788	21.373.443.000	29.346.344.788	21.373.443.000
+ <i>Chi phí sửa chữa, cải tạo công trình và chi phí khác</i>	-	2.139.052.955	-	4.278.105.913
Tổng thu nhập chịu thuế	203.545.714.391	139.034.541.471	281.504.794.945	176.917.424.933
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.709.142.878	27.806.908.294	56.300.958.989	35.383.484.986

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	404.960.444.696	350.485.120.713	697.101.929.691	540.071.273.925
Chi phí nhân công	60.737.304.763	52.594.052.367	112.595.393.147	94.219.778.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.396.248.998	33.601.502.443	48.323.195.758	63.445.884.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	374.924.850.485	325.379.585.818	653.153.136.770	536.822.488.251
Chi phí khác bằng tiền	26.550.609.280	33.497.817.068	43.908.763.374	48.390.247.098
Cộng	891.569.458.222	795.558.078.409	1.555.082.418.740	1.282.949.672.588

13. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan có phát sinh giao dịch

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Công ty con
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Công ty con
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Công ty con
Công ty CP ĐTVT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Công ty con
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bôi	Công ty liên kết
Công ty CP Vận tải Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ kế toán Quý 2 năm 2026, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Thu hồi vỏ chai keg	878.099.999	31.189.091
	Bán hàng hóa, sản phẩm	2.419.541.374.239	1.814.258.582.800
	Tiền điện, nước, khác	192.193.271	132.076.580
	Phạt vi phạm, khác	-	5.888.000
	Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	43.908.217.947	12.194.449.905
	Lợi nhuận được chia	13.414.884.788	7.000.000.000
	Cho thuê VP, kho, vật dụng quảng cáo	3.904.389.480	8.285.760.520
	Khuyến mãi, hỗ trợ sản lượng tiêu thụ	195.096.961.887	144.059.869.798
	Bán vật tư, hàng hóa	58.938.000	21.318.000
	Bán quyền nhãn hiệu	533.755.395	487.590.192
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Bán vật tư, hàng hóa	12.540.000	12.540.000
	Bán quyền nhãn hiệu	123.074.507	97.679.292
	Mua hàng hóa	69.285.480.750	72.687.468.750
	Bán vật tư, hàng hóa	11.372.003.332	12.420.558.342
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Bán quyền nhãn hiệu	36.518.364	15.979.680
	Điện, nước và khác	137.021.713	-
	Mua hàng hóa	109.206.314.300	78.812.114.080
	Bán vật tư, hàng hóa	760.622.446.049	624.094.435.601
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Chi phí hỗ trợ bán hàng	40.491.496.631	34.488.360.617
	Bán quyền nhãn hiệu	404.855.545	212.016.528
	Thu hồi vỏ chai keg	2.404.544	161.071.636
	Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	4.804.165.661	3.201.966.207
Cho thuê kho		777.378.000	774.228.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Mua hàng hóa	38.309.736.940	32.007.387.320
	Bán vật tư, hàng hóa	6.871.267.880	6.300.944.507
	Doanh thu khác	19.112.220	-
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Mua nắp chai	4.785.616.000	5.097.007.000
	Bán sản phẩm	720.218.792.960	636.110.260.650
	Hàng bán trả lại	432.573.550	291.463.700
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Cho thuê mặt bằng, điện nước	1.683.897.100	1.564.318.800
	Sửa keg, mua vỏ keg	2.007.000.000	665.000.000
	Tiền điện, nước, khác	94.423.693	87.860.601
	Chi phí hỗ trợ bán hàng, VDQC, thuế keg	33.094.938.131	31.768.321.176
Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội - Quảng Ninh	Phạt vi phạm	-	125.843.636
	Mua hàng hóa	319.943.246.750	174.575.044.720
	Bán vật tư, hàng hóa	126.170.049.299	60.209.808.869
Công ty CP ĐTVT Công nghệ Bia Rượu NGK Hà Nội	Bán quyền nhãn hiệu	1.630.682.449	1.543.049.647
	Doanh thu khác	238.528.740	-
	Mua hàng hóa	165.530.321.450	127.268.079.920
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Bán vật tư, hàng hóa	65.092.336.710	41.102.668.048
	Bán quyền nhãn hiệu	7.124.253	822.900
	Điện, nước và khác	4.753.245	-
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Chi phí khác	115.407.408	-
	Mua hàng hóa	278.831.290.090	172.679.559.090
	Bán vật tư, hàng hóa	103.030.478.080	59.444.452.720
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Cho thuê thiết bị	838.519.132	1.033.500.000
	Bán vật tư, hàng hóa	-	309.738.000
	Cổ tức được chia	6.466.200.000	5.119.075.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Bán quyền nhãn hiệu	4.579.784.688	4.025.871.062
	Doanh thu khác	133.697.970	-
	Mua hàng hóa	194.806.334.530	185.427.452.640
	Bán vật tư, hàng hóa	74.801.103.469	58.761.570.217
	Bán quyền nhãn hiệu	294.635.015	211.115.688

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Doanh thu khác	64.823.087	-
	Cổ tức được chia	-	204.000.000
	Bản quyền nhãn hiệu	342.037.097	406.661.372
	Thuế kho, khác	361.800.000	739.440.000
	Bán vật tư, hàng hóa	50.160.000	62.700.000
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Cho thuê kho	311.304.000	-
	Điện, nước và khác	29.136.916	-
	Mua hàng hóa	97.035.052	58.520.730
	Mua hàng hóa	9.658.362.190	-
	Bán vật tư, hàng hóa	3.051.110.980	155.988.000
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Cổ tức được chia	1.008.000.000	1.008.000.000
	Bản quyền nhãn hiệu	2.022.283.650	2.092.125.024
	Doanh thu khác	149.598.429	-
	Cho thuê mặt bằng	324.000.000	561.600.000
	Cước vận chuyển, bốc xếp	17.577.715.411	10.606.413.333
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Bán phế liệu	664.986.238	58.425.960
	Mua vỏ chai	931.467.600	-
	Cổ tức được chia	7.606.080.000	7.732.848.000
	Mua vật tư bao bì	51.611.445.948	39.878.697.436
	Điện, nước và khác	55.872.000	37.792.000
Công ty CP Bao bì Habeco	Chi phí khác	-	18.000.000
	Cổ tức được chia	851.180.000	309.520.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)		Đơn vị tính: VND
		Cuối kỳ	Đầu năm	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê mặt bằng	4.041.559.570	1.328.873.510	
	Mua hàng hóa	-	(280.800.000)	
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê tài sản	-	23.446.633.510	
	Mua hàng hóa	(49.752.916.173)	(56.858.198.140)	
	Mua hàng hóa	(1.068.098.200)	(470.318.200)	
	Mua hàng hóa	(5.126.000)	(63.467.000)	
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Bán vật tư, hàng hóa	428.859.569	310.720.562	
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Bán vật tư, hàng hóa	117.206.135	53.269.254	
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Mua hàng hóa	(30.084.990.747)	(37.367.442.853)	
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa	342.568.495	26.546.779	
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Bán vật tư, hàng hóa	18.916.222	-	
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Bán vật tư, hàng hóa	(11.245.562.222)	(8.901.689.918)	
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Mua hàng hóa	12.229.318	16.324.265	
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Bán vật tư, hàng hóa	(21.327.149.306)	(18.906.968.470)	
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Mua hàng hóa	(8.435.422.875)	(151.655.625)	
	Bán vật tư, hàng hóa	4.428.158.705	2.128.750.042	
	Mua hàng hóa	(14.438.543.244)	(52.245.916.152)	
	Bán vật tư, hàng hóa	25.055.428.097	6.502.343.047	
Công ty CP ĐTPT công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	Nhận ký quỹ, ký cược	(13.350.967.600)	(7.385.716.600)	
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Bán vật tư, hàng hóa	1.675.238.645	717.254.581	
	Mua hàng hóa	(11.465.794.965)	(85.033.987.335)	
	Nhận trước tiền hàng	(21.804.311.707)	(18.724.877.098)	
	Chi phí hỗ trợ bán hàng, thuê keg và vận chuyển bốc xếp	(2.206.200.000)	(39.910.237.800)	
	Nhận trước tiền hàng	(546.001.172)	(546.001.172)	
Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội - Quảng Ninh	Bán hàng hóa, thuê MB	106.969.764.951	37.046.648.647	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	Nhận ký cược chai keg	(163.084.655.000)	(134.692.605.000)	
	Phải trả khác	-	(342.187.211.196)	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
		Cuối kỳ	Đầu năm
	Phải thu khác	164.725.000	-
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Bán vật tư, hàng hóa	316.002.426	104.084.747
	Thuế kho	(397.980.000)	(332.848.000)
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa	135.700.013	44.132.813
	Mua hàng hóa	(1.002.985.008)	-
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Bán vật tư, hàng hóa	2.293.144.313	1.779.539.216
	Mua hàng hóa	(2.948.299.200)	(2.542.100.000)
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Cước vận tải	(1.909.399.642)	(2.148.416.204)
Công ty CP Bao bì Habeco	Bán vật tư, hàng hóa	18.195.840	24.122.880
	Mua hàng hóa	(11.154.888.370)	(6.050.229.099)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán Quý 2 năm 2026, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:					
Họ tên	Chức danh	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến Cuối kỳ VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2025 VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị					
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	347.910.000	331.140.000	695.820.000	628.740.000
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	48.000.000	45.600.000	96.000.000	86.400.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	48.000.000	45.600.000	96.000.000	86.400.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	48.000.000	45.600.000	96.000.000	86.400.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	48.000.000	48.000.000	96.000.000	88.800.000
Bà Quan Lê Hà	Thành viên	48.000.000	48.000.000	96.000.000	88.800.000
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên	48.000.000	48.000.000	96.000.000	88.800.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát					
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	244.800.000	225.600.000	489.600.000	412.800.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	48.000.000	40.000.000	96.000.000	64.000.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên - Đến ngày 22/4/2026	16.000.000	48.000.000	64.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Thành viên - Từ ngày 22/4/2026	32.000.000	-	32.000.000	-
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác					
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	474.531.750	268.800.000	949.063.500	537.600.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		1.830.897.000	1.022.400.000	3.661.794.000	2.044.800.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (xem thuyết minh V.2). Ngoài ra, Tổng Công ty không có bất kỳ khoản vay nào tại các ngân hàng, đồng thời Tổng Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

3213
CÔNG
TNI
IỂM 7
NV
10 H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

		Đơn vị tính: VND	
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	1.696.081.727.857	-	1.696.081.727.857
Phải trả cho người bán	601.651.286.927	-	601.651.286.927
Chi phí phải trả	373.650.892.617	-	373.650.892.617
Các khoản phải trả khác	720.779.548.313	-	720.779.548.313
Số đầu năm	1.706.971.065.384	-	1.706.971.065.384
Phải trả cho người bán	1.159.881.170.059	-	1.159.881.170.059
Chi phí phải trả	50.500.908.366	-	50.500.908.366
Các khoản phải trả khác	496.588.986.959	-	496.588.986.959

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2025 kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét. Số liệu này được phân loại lại theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2025 <i>Phân loại lại</i>	31/12/2025 <i>Trước phân loại</i>	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.356.390.335.587	4.356.390.335.587	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	471.654.443.831	470.947.019.173	707.424.658
2. Các khoản tương đương tiền	356.707.424.658	356.000.000.000	707.424.658
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.476.432.960.916	3.393.078.900.000	83.354.060.916
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	3.476.432.960.916	3.393.078.900.000	83.354.060.916
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	109.930.243.125	193.991.728.699	(84.061.485.574)
5. Phải thu ngắn hạn khác	16.352.180.517	100.413.666.091	(84.061.485.574)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.754.625.224.288	1.754.625.224.288	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.111.015.559.875	6.111.015.559.875	-
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.774.813.708.631	1.774.813.708.631	-
I. Nợ ngắn hạn	1.774.813.708.631	1.632.601.371.725	142.212.336.906
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	61.723.435.284	-	61.723.435.284
10. Phải trả ngắn hạn khác	148.864.398.672	68.375.497.050	80.488.901.622
II. Nợ dài hạn	-	142.212.336.906	(142.212.336.906)
8. Phải trả dài hạn khác	-	142.212.336.906	(142.212.336.906)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.336.201.851.244	4.336.201.851.244	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.111.015.559.875	6.111.015.559.875	-

Người lập



Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm